

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2018/DSST**

Ngày: 31 - 8 -2018

V/v: *Tranh chấp Đòi tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Phương Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Đặng Thị Nhác**

Ông Tạ Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan**

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thanh Hương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 112/2017/TLST-DSST ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc: Tranh chấp Đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54A/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 14/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Mai Thị D, sinh năm 1971**

Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1963

HKTT: Tổ 1, TC, phường LB, quận Long Biên, TP Hà Nội

Hiện ở: Số 27, tổ 5, phường TB, quận Long Biên, TP Hà Nội (*Có mặt*)

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, ông Q là: Ông **Nguyễn Thiên Q**, sinh năm 1985

Địa chỉ thường trú: Số 29 phố TA, phường PX, quận BD, TP Hà Nội (*Có mặt*)

- Bị đơn: **Bà Ngô Thị P, sinh năm 1953**

Địa chỉ: Tổ 2, phường LB, quận LB, TP Hà Nội (*Vắng mặt*)

- Người làm chứng: **Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1954**

Địa chỉ: Tổ 1, phường LB, LB, Hà Nội (*Vắng mặt*)

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Mai Thị D, ông Nguyễn Văn Q và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông bà Nguyễn Văn Q, Mai Thị D và bà Ngô Thị P là người cùng làng với nhau. Năm 2011 được biết bà P có thể mua, bán được đất kẹt ở phường TB nên ông bà cùng ông Nguyễn Văn S là anh trai ông Q có ý định nhờ bà P mua hộ. Sau khi thỏa thuận giá đất là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), ngày 11/5/2011 bà P có nhận của ông Q, bà D số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) để bà P mua hộ đất kẹt ở phường TB. Khi nhận tiền, bà P có ký nhận vào “giấy nhận tiền” do ông S viết hộ trước sự làm chứng của ông S. Sau khi nhận tiền, bà P không hề giao đất trả cho vợ chồng ông Q, bà D cũng như không trả lại ông bà số tiền trên.

Nay, ông Q bà D khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị P trả lại vợ chồng ông bà số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) đã nhận nói trên. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn bà P có lời khai như sau:**

Ngày 11/5/2011, bà có nhận 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) từ tay ông Nguyễn Văn S là anh trai của ông Nguyễn Văn Q - chồng bà Mai Thị D. Khi nhận tiền ông S có viết “Giấy nhận tiền” với nội D bà nhận của bà Mai Thị D 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) để mua đất. Sở dĩ ghi là bà nhận của bà Mai Thị D vì ông S bảo ghi như vậy, còn giữa ông S và bà D thỏa thuận với nhau như thế nào bà không rõ, số tiền trên là của bà D hay ông S bà cũng không rõ, bà chỉ biết tiền là nhận từ tay ông S, giấy nhận tiền là do ông S viết. Bà có ký và viết vào giấy nhận tiền nói trên. Nay, bà D và ông Q khởi kiện bà không đồng ý trả số tiền trên vì còn một số vấn đề vướng mắc với ông Nguyễn Văn S, chưa giải quyết được.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

*** Người làm chứng ông Nguyễn Văn S trình bày:**

Ông xác nhận đã viết “Giấy xác nhận” ngày 11/5/2011 với nội D bà Ngô Thị P có nhận 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) của Mai Thị D để mua đất TB. Sau khi nhận số tiền trên từ ông Q, bà D tại nhà bà P, bà P đã ký nhận trước sự chứng kiến của ông. Ông khẳng định số tiền 1.500.000.000 đồng này là tiền của bà Mai Thị D và ông Nguyễn Văn Q. Nay, ông bà Q D khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định Pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên trình bày quan điểm:**

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội D: Kiểm sát viên tóm tắt nội D vụ án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về tố tụng và quan hệ pháp luật:***

Ngày 18/9/2017 bà Mai Thị D và ông Nguyễn Văn Q khởi kiện bà Ngô Thị P, địa chỉ: Tổ 2, phường Long Biên, quận Long Biên, TP Hà Nội về việc đòi số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) ông bà đưa cho bà P để nhờ mua đất hộ nhưng không mua được.

Căn cứ vào khoản 2, điều 26; Điều 36, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý là đúng thẩm quyền.

Tòa án xác định quan hệ pháp luật là: Tranh chấp Đòi tài sản là đúng quan hệ pháp luật.

**** Về thời hiệu khởi kiện:*** Theo quy định tại điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015, đây là tranh chấp Đòi tài sản nên vụ án không áp dụng thời hiệu.

**** Xét yêu cầu Đòi tài sản của nguyên đơn:***

Tại “Giấy nhận tiền” ngày 11/5/2011 có nội D tóm tắt như sau “... Tôi là Ngô Thị P có nhận tiền của Mai Thị D số tiền là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn). Nhận tiền mua đất TB. Tôi đã nhận đủ số tiền trên....” Quá trình giải quyết tại tòa án, bà P thừa nhận có nhận số tiền này từ phía ông Nguyễn Văn S, sau đó bà đã mua 70 m2 đất tại tổ 1 phường TB mang tên bà. Nay bà không trả số tiền này vì giữa bà và ông S còn vướng mắc nhiều vấn đề chưa giải quyết được. Như vậy, việc bà P đã nhận số tiền trên đến nay chưa trả là đúng.

Việc bà khai số tiền đó là của ông S cho bà vay lãi chứ không phải của bà D, ông Q: HĐXX thấy ngay trong nội D “Giấy nhận tiền” đã thể hiện bà P nhận tiền của Mai Thị D chứ không phải của ông S. Hơn nữa, ông S khẳng định ông là người viết giấy nhận tiền hộ và chứng kiến việc bà P nhận số tiền này từ bà D. Bản thân bà P cũng có lời khai số tiền này của ông S hay bà D bà cũng không rõ, bà chỉ biết nhận tiền từ tay ông S.

Như vậy, HĐXX có căn cứ khẳng định việc bà Ngô Thị P nhận số tiền 1.500.000.000 đồng của bà Mai Thị D và ông Ngô Văn Q là hoàn toàn có căn cứ. Buộc bà P trả lại toàn bộ số tiền 1.500.000.000 đồng cho ông Q, bà D là phù hợp với quy định tại Điều 163, Điều 164 Bộ luật dân sự 2015.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà D, ông Q chỉ yêu cầu giải quyết về dân sự đối với việc bà P không trả tiền chứ không có bất cứ yêu cầu gì khác.

Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí DSST.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 điều 26, Điều 36, Điều 39, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 163, 164 Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị D và ông Nguyễn Văn Q về việc tranh chấp Đòi tài sản đối với bà Ngô Thị P.

Buộc bà Ngô Thị P có nghĩa vụ trả bà Mai Thị D và ông Ngô Văn Q số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

Bà Ngô Thị P phải chịu 57.000.000 đồng tiền án phí DSST.

Trả lại bà Mai Thị D và ông Nguyễn Văn Q mỗi người 14.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST ông, bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên theo biên lai số 0006028, 0006031 ngày 02/10/2017.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc khi ng-ời đ-ợc thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án phải chịu lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng nhà n-ớc Việt Nam đối với số tiền ch-a thi hành án t-ương ứng với thời gian ch-a thi hành án. Tr-ờng hợp quyết định đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Q. Long Biên;
- Chi cục THADSQ. Long Biên;
- Các đ-ơng sự;
- L- u HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Huyền